

Số: 07/BC-GDNN-GDTX

Tuần Giáo, ngày 23 tháng 01 năm 2026

**BÁO CÁO CÔNG KHAI**  
**đầu năm, năm học 2025-2026**

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày  
03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên cơ sở giáo dục:** Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên 2.

**2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)**

- Địa chỉ trụ sở chính: Khối Đồng Tâm, xã Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên
- Địa chỉ sơ sở 1: Tổ dân phố Thành Công, xã Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên
- Địa chỉ sơ sở 2: Bản Hón, xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên
- Số điện thoại: (0215) 3862.012

**3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu, tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục**

- Loại hình: Công lập.
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên

**4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục Tầm nhìn**

**a, Sứ mệnh:** Học để phát triển quê hương, đất nước; góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực đáp ứng nhu cầu nhân lực cho địa bàn được phân công nói riêng và tỉnh Điện Biên nói chung. Đa dạng hoá các loại hình đào tạo, tư vấn, giới thiệu việc làm.

**b, Tầm nhìn:** Là một trong những trung tâm GDNN-GDTX phát triển, đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục; phấn đấu trở thành trung tâm có chất lượng, đáp ứng tối đa nhu cầu người dân trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Phối hợp liên kết đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo nghề, tư vấn và giới thiệu việc làm cho học viên và người lao động.

**c, Giá trị:** Sự đoàn kết, tinh thần trách nhiệm, tính trung thực, sự sáng tạo, lòng tự trọng và khát khao vươn lên.

**d, Mô hình và cơ cấu đào tạo**

- Mô hình đào tạo: đa dạng hoá nội dung, chương trình, hình thức tổ chức đào tạo đáp ứng đa dạng về điều kiện và nhu cầu học tập của mọi người dân, mọi lứa tuổi.
- Cơ cấu đào tạo gồm: Chương trình GDTX cấp THCS và THPT; chương



2018	14	457	8	267	9	224	<b>31</b>	<b>948</b>
2019	29	981	9	304	13	285	<b>51</b>	<b>1570</b>
2020	33	1120	4	132	9	196	<b>46</b>	<b>1448</b>
2021	27	870	4	140	9	230	<b>40</b>	<b>1240</b>
2022	35	1072	15	514	12	216	<b>62</b>	<b>1802</b>
2023	35	1000	25	866	13	285	<b>73</b>	<b>2151</b>
2024	16	509	27	939	26	468	<b>69</b>	<b>1916</b>
2025	7	211	10	337	3	105	<b>20</b>	<b>653</b>

Lĩnh vực GDTX:

Năm học	Trụ sở Tuần Giáo		Trụ sở Tòa Chùa		Trụ sở Mường Ảng		Tổng số	
	Số lớp	Số học viên	Số lớp	Số học viên	Số lớp	Số học viên	Lớp	HV
2018-2019	5	115	3	62	4	68	<b>12</b>	<b>245</b>
2019-2020	3	85	3	42	2	30	<b>8</b>	<b>157</b>
2020-2021	4	116	3	82	2	27	<b>9</b>	<b>225</b>
2021-2022	3	99	4	114	1	27	<b>8</b>	<b>240</b>
2022-2023	4	124	3	62	0	0	<b>7</b>	<b>186</b>
2023-2024	5	149	4	111	1	10	<b>10</b>	<b>270</b>
2024-2025	7	225	5	156	2	34	<b>14</b>	<b>415</b>
2025-2026			15	655			<b>15</b>	<b>655</b>

**6. Thông tin người đại diện pháp luật**

Người đại diện pháp luật: Lê Sỹ Tường

Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ nơi làm việc: Khôi Đồng Tâm, xã Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên

Số điện thoại: 0983291010

Gmail: lesytuongdb@gmail.com

**7. Tổ chức bộ máy**

a, Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục

Trung tâm GDNN-GDTX 2 thành lập theo Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Thành lập Trung tâm Giáo dục nghề

nghiệp - Giáo dục thường xuyên khu vực trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

b, Quyết định điều động, bổ nhiệm, giám đốc, phó giám đốc cơ sở giáo dục

Quyết định bổ nhiệm Giám đốc: Quyết định số 919/QĐ-SGDĐT, ngày 08/7/2025 về việc bổ nhiệm viên chức đối với đồng chí Lê Sỹ Tường.

Quyết định bổ nhiệm Phó Giám đốc: ; Quyết định số 902/QĐ-SGDĐT, Ngày 02/7/2025 về việc tiếp nhận và bổ nhiệm viên chức đối với bà Võ Thị Tâm; Quyết định 905/QĐ-SGDĐT, ngày 02/7/2025 về việc bổ nhiệm tiếp nhận và bổ nhiệm viên chức đối với ông Vũ Đức Bình; Quyết định 903/QĐ--SGDĐT, ngày 02/7/2025 về việc bổ nhiệm tiếp nhận và bổ nhiệm viên chức đối với ông Nguyễn Cao Cường; Quyết định 906/QĐ--SGDĐT, ngày 02/7/2025 về việc bổ nhiệm tiếp nhận và bổ nhiệm viên chức đối với ông Hoàng Quyết Định; Quyết định số 914/QĐ-SGDĐT, ngày 08/7/2025 về việc bổ nhiệm viên chức đối với đồng chí ông Trần Ngọc Sơn.

c, Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

Trung tâm GDNN-GDTX 2, hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm được quy định cụ thể tại Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06/01/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

### **Cơ chế hoạt động của trung tâm GDNN-GDTX 2, tỉnh Điện Biên**

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, các hội đồng trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học viên và các hoạt động của học viên do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của đơn vị; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học viên; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của đơn vị; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của đơn vị; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

## **Chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục**

Chức năng nhiệm vụ của Trung tâm GDNN-GDTX 2 được quy định tại thông tư 01/2023/TTBGDDT ngày 06/1/2023.

Tổ chức thực hiện các chương trình giáo dục, đào tạo:

- Chương trình giáo dục thuộc chương trình đề cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm: Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông cho đối tượng được hưởng chính sách xã hội, người tàn tật, khuyết tật, đối tượng trong độ tuổi học phổ thông theo kế hoạch hằng năm của địa phương, người lao động có nhu cầu hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông.

- Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng thuộc các lĩnh vực: giáo dục pháp luật, văn hóa, xã hội, thể thao, nghệ thuật, môi trường, sức khỏe, kinh tế, tài chính; các chương trình giáo dục kỹ năng; các chương trình chuyển giao công nghệ trong lao động, sản xuất góp phần nâng cao năng suất lao động.

- Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghề nghiệp bao gồm: bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, kiến thức văn hóa; bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho căn hộ, công chức công tác tại vùng dân tộc, miền núi; bồi dưỡng thường xuyên giáo viên; bồi dưỡng giáo viên các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở về tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; các chương trình bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: các chương trình bồi dưỡng khác nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo kế hoạch của địa phương và nhu cầu học tập suốt đời của người dân.

- Điều tra nhu cầu học tập, trình độ chuyên môn nghiệp vụ trên địa bàn, xác định nội dung học tập, đề xuất với sở giáo dục và đào tạo, chính quyền địa phương việc tổ chức các chương trình giáo dục, đào tạo và hình thức học phù hợp với từng loại đối tượng.

- Phối hợp với các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục thường xuyên khác trên địa bàn để thực hiện các chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục hỗ trợ khác theo nhu cầu của người học, của các nhà trường.

- Thực hiện đào tạo trình độ sơ cấp hoặc liên kết đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng theo quy định.

- Thực hiện quyền tự chủ theo quy định của pháp luật và một số quy định cụ thể sau đây:

+ Quyết định mục tiêu, sứ mạng, chiến lược và kế hoạch phát triển của Trung tâm;

+ Quyết định thành lập bộ máy tổ chức, phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý trên cơ sở chiến lược và quy hoạch phát triển Trung tâm; quy định chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức thuộc Trung tâm;

+ Thu, chi tài chính, đầu tư phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định của pháp luật; quyết định mức thu học phí đối với chương trình giáo dục đáp ứng nhu cầu người học theo các quy định về tự chủ tài chính đối với Trung tâm;

+ Tuyển sinh và quản lý người học; phát triển chương trình giáo dục; tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn tài liệu học tập phù hợp với mục tiêu giáo dục của từng chương trình; quản lý và cấp chứng chỉ cho người học theo quy định của pháp luật;

+ Tổ chức triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế theo chiến lược và kế hoạch phát triển của Trung tâm; đảm bảo chất lượng giáo dục của Trung tâm; lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để đăng ký kiểm định.

+ Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật.

+ Xây dựng, đầu tư, quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục theo yêu cầu của chương trình giáo dục, đào tạo.

+ Tuyển dụng, sử dụng, quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức; tổ chức cho nhà giáo cập nhật, nâng cao kỹ nghề nghiệp; tổ chức cho nhà giáo, viên chức và người học tham gia các hoạt động xã hội.

- Thực hiện quy chế dân chủ trong Trung tâm.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và có trách nhiệm giải trình trước cơ quan có thẩm quyền, người học và xã hội.

- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

#### **Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục**

+ 01 Giám đốc và 05 phó Giám đốc.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 Đảng bộ, bộ phận, 03 Chi bộ Trực thuộc gồm 39 đảng viên.

+ Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: 01 chi đoàn cơ sở.

+ Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 04 tổ chuyên môn

#### **đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo Trung tâm**

<b>TT</b>	<b>Họ tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Số điện thoại</b>	<b>Thư điện tử</b>
1	Lê Sỹ Tường	Giám đốc	0986818910	lesytuongdb@gmail.com
2	Vũ Đức Bình	Phó GD	0914597316	binhvd.tg@dienbien.gov.vn

3	Hoàng Quyết Định	Phó GD	0982692918	<a href="mailto:hoangdinh81@gmail.com">hoangdinh81@gmail.com</a>
4	Trần Ngọc Sơn	Phó GD	0834181183	sonn.gdtxma@gmail.com
5	Nguyễn Cao Cường	Phó GD	0948388118	caocuongttdn@gmail.com
6	Võ Thị Tâm	Phó GD	0982802952	tamgdtxtc@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Địa chỉ trụ sở chính: Khối Đồng Tâm, xã Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Địa chỉ sơ sở 1: Tổ dân phố Thành Công, xã Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên
- Địa chỉ sơ sở 2: Bản Hón, xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên

### 8. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người làm việc được giao/phê duyệt		Số lượng người làm việc hiện có				
		Được giao	Tự chủ	Tổng cộng	Viên chức từ nguồn được giao	Viên chức từ nguồn tự chủ	HDLĐ chuyên môn, nghiệp vụ	HDLĐ hỗ trợ, phục vụ
<b>I. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý</b>								
1	Giám đốc	1		1	1			
2	Phó Giám đốc	2/5		5	5			
<b>II. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành</b>								
1	Giáo viên THPT hạng II	0		0				
2	Giáo viên THPT hạng III	13		13	13			
3	Giáo viên GDNN	13		13	13			
4	Thiết bị, thí nghiệm	01		01				
5	Thư viện	0		0				
	Tư vấn học sinh	0		0				
<b>III. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung</b>								
1	Kế toán viên	2		2	2			
	Văn thư	0		0	0			
3	Thủ quỹ	1		1	1			

4	Y tế học đường	0		0	0			
<b>IV. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ</b>								
1	Nhân viên Bảo vệ	3		3				3
2	Nhân viên Phục vụ	1		1				1

- 100% giáo viên, nhân viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo.
- 100% giáo viên, nhân viên hoàn thành chương trình bồi dưỡng.

## 9. CƠ SỞ VẬT CHẤT

### a. Danh mục cơ sở vật chất

TT	Nội dung	Số lượng	Năm báo cáo	Năm trước liên kê báo cáo
<b>I</b>	<b>Loại phòng học</b>			
1	Phòng học kiên cố	23	1,5m <sup>2</sup> / học sinh	1,5m <sup>2</sup> / học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	-	-
3	Phòng học tạm	0	-	-
4	Phòng học nhờ	0	-	-
5	Phòng học bộ môn	0	-	-
6	Phòng học đa chức năng	0	-	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-	-
8	Bình quân học sinh/lớp	30	-	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	<b>03</b>	-	-
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích đất</b>	<b>31.002,7 m<sup>2</sup></b>		
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	<b>11.271 m<sup>2</sup></b>		
<b>VI</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (đơn vị tính: bộ)</b>	<b>03</b>	<b>Số bộ/lớp</b>	<b>Số bộ/lớp</b>
1	Khối lớp 10	01	1/3	
2	Khối lớp 11	01	1/3	
3	Khối lớp 12	01	1/1	
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (đơn vị tính: bộ)</b>	<b>36</b>		
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị đang sử dụng</b>		<b>Số thiết bị/lớp</b>	<b>Số thiết bị/lớp</b>
1	Ti vi	4		
2	Cát xét	0		
3	Đầu video/ đầu đĩa	0		

4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		16	0,9 máy/1 lớp	0,9 máy/1 lớp	
5	Tăng âm, loa		02			
<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>		<b>Số lượng</b>	<b>Năm báo cáo</b>	<b>Năm trước liên kế báo cáo</b>	
<b>X</b>	<b>Nhà bếp</b>		<b>03 ( 60 m<sup>2</sup>)</b>			
<b>XI</b>	<b>Nhà ăn</b>		<b>1 (40 m<sup>2</sup>)</b>			
	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng phòng, tổng diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Số chỗ</b>	<b>Diện tích bình quân/cỗ</b>		
<b>XII</b>	<b>Phòng nghỉ cho học sinh bán trú</b>	33	264	2,0 m <sup>2</sup>		
<b>XIII</b>	<b>Khu nội trú</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
<b>XIV</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	<b>Dùng cho giáo viên</b>	<b>Dùng cho học sinh</b>		<b>Số m<sup>2</sup>/học sinh</b>	
			<b>Chung</b>	<b>Nam/nữ</b>	<b>Chung</b>	<b>Nam/nữ</b>
1	Đạt chuẩn vệ sinh	8	4		0,5	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh	0	0			
	<b>Nội dung</b>		<b>Có</b>		<b>Không</b>	
<b>XV</b>	<b>Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh</b>		<b>x</b>		<b>x</b>	
<b>XVI</b>	<b>Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)</b>		<b>x</b>			
<b>XVII</b>	<b>Kết nối internet (ADSL)</b>		<b>x</b>			
<b>XVIII</b>	<b>Trang thông tin điện tử (Website của trường)</b>		<b>x</b>			
<b>XIX</b>	<b>Tường rào xây</b>		<b>x</b>		<b>x</b>	

**b. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, danh mục, số lượng xuất bản phẩm, tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ GDĐT**

Tên sách giáo khoa lớp 10,11,12 được lựa chọn sử dụng cho năm học 2025- 2026 Trung tâm thực hiện theo các quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 3, lớp 7 và lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 4, lớp 8, lớp 11 và môn

Lịch sử lớp 10 (bổ sung) sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 5, lớp 9, lớp 12 và bổ sung sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

## **10. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

Trung tâm đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục: trung tâm đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn. Năm 2025, trung tâm tự đánh giá chưa đạt chuẩn chất lượng.

Hằng năm, Trung tâm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

## **11. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

### **1, Thông tin về kế hoạch giáo dục của năm học**

#### **a) Kế hoạch tuyển sinh**

Kế hoạch 74/KH- TTGDNN-GDTX ngày 21/4/2025 kế hoạch tuyển sinh chương trình GDTX cấp THPT năm học 2025-2026.

Thông báo số 75/TB –TTGDNN-GDTX ngày 22/4/2025 thông báo về việc tuyển sinh học viên học Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp THPT Năm học: 2025 -2026.

Kế hoạch 01/KH- TTGDNN-GDTX ngày 18/8/2025 kế hoạch triển khai công tác đạo tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2025.

Thông báo số 08/TB –TTGDNN-GDTX ngày 18/8/2025 thông báo về việc tuyển sinh các lớp đạo tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2025.

#### **b, Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục**

Kế hoạch số 13/KH-TT GDNN-GDTX 2 ngày 23/9/2025 về kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026.

### **2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học**

- Kết quả tuyển sinh:

+ Năm 2025 trung tâm tuyển sinh 20 lớp nghề sơ cấp với 653 học viên.

+ Năm học 2025-2026 nhà trường tuyển sinh 7 lớp với tổng số 350 học sinh.

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Ghi chú
10	350	7	
11	221	6	
12	84	2	
<b>Toàn Trung tâm</b>	<b>655</b>	<b>15</b>	

**3. Thống kê kết quả đánh giá theo qui định của Bộ GDĐT; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp năm học trước**

**3.1. Xếp loại rèn luyện**

	K10	K11	K12	Tổng	Tỷ lệ %
<b>Tốt</b>	202	164	74	<b>440</b>	<b>67,18</b>
<b>Khá</b>	102	28	8	<b>138</b>	<b>21,07</b>
<b>Đạt</b>	30	6	2	<b>38</b>	<b>5,8</b>
<b>CD</b>	16	7	0	<b>23</b>	<b>3,51</b>
<b>Chưa đánh giá</b>	0	16	0	<b>16</b>	<b>2,44</b>
<b>Tổng</b>	<b>350</b>	<b>221</b>	<b>84</b>	<b>655</b>	

**3.2 Xếp loại học lực**

	K10	K11	K12	Tổng	Tỷ lệ %
<b>Tốt</b>	0	0	2	<b>2</b>	<b>2,38</b>
<b>Khá</b>	46	79	42	<b>167</b>	<b>25,5</b>
<b>Đạt</b>	182	129	38	<b>349</b>	<b>53,28</b>
<b>CD</b>	122	13	2	<b>137</b>	<b>20,92</b>
<b>Tổng</b>	<b>350</b>	<b>221</b>	<b>84</b>	<b>655</b>	

**4. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh được trúng tuyển vào các cơ sở nghề nghiệp, trúng tuyển vào đại học**

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: Năm học 2024-2025: 415 học viên.
- Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp năm học 2024-2025: 56 học viên,
- Số lượng học sinh được trúng tuyển vào các cơ sở nghề nghiệp các đại học, cao đẳng: Không

**12. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

**a. Tình hình tài chính của Trung tâm, trong đó cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:**

- Các khoản thu: Dịch vụ thi thử tốt nghiệp cho HS lớp 12 là 160.000/HS/4 lần. Số học sinh lớp 12 là 84 học sinh; Số tiền đã thu được: 4.640.000đ.
- Các khoản chi thường xuyên

+ Năm 2025, nhà trường được sử dụng 5.175.670.000 đồng chi thường xuyên trong đó:

+ Chi lương và các khoản phụ cấp cho giáo viên, nhân viên: 3.832.787.647 đồng, chi cho người lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ: 108.756.000 đồng;

+ Các khoản chi khác: 1.234.126.353đ

- Chi khen thưởng theo NĐ 73/2024: 354.480.000đ

**b. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo nghị định 81, chế độ học viên bán trú theo nghị định 66**

- Hỗ trợ chi phí học tập theo nghị định 81/2021/NĐ-CP: 102.000.000 đ.

- Hỗ trợ chi phí học tập theo nghị định 238/2025/NĐ-CP: 218.175.000 đ.

- Hỗ trợ học bổng cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC: 14.976.000đ.

- Miễn giảm học phí (CBHP) theo NĐ 238/2025/NĐ-CP: 35.035.000đ

- Chế độ học viên bán trú theo nghị định 66/2025/NĐ-CP: 3.410.280.000đ

**c. Thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2025**

Trong năm 2025 đơn vị được giao kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia (Mã CT: 10474) là 824.000.000đ tuy nhiên đơn vị không thực hiện được do đối tượng không đủ. Đối với chương trình MTQG Phát triển kinh tế xã hội vùng Đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Mã CT: 10515) là 2.510.000.000đ bao gồm TDA2-DA5 và TDA3-DA5. Số tiền đã thực hiện là 2.072.910.440đ

**d. Trung tâm thực hiện công khai số liệu dự toán thu, chi, ngân sách nhà nước theo quý, 6 tháng và hàng năm theo thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2017:** Đã thực hiện theo đúng quy định.

Trên đây là báo cáo công khai đầu năm, năm học 2025-2026 của Trung tâm GDNN-GDTX 2 kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*Nơi nhận:*

- Sở GD&ĐT Điện Biên;
- Công khai bản tin;
- Lưu:VT.

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Sỹ Tường**